

Số 3768 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp
huyện Long Thành đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai tại Tờ trình số 3479/TTr-SNN ngày 12/ 11/2014,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Long Thành đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với nội dung chính như sau:

I. Quan điểm phát triển

- Trên cơ sở phát huy thành tựu nông nghiệp đã đạt được, tập trung khai thác có hiệu quả lợi thế và từng bước khắc phục hạn chế, tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tốc độ tăng trưởng cao.

- Phát triển vùng nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, trước hết phải đảm bảo khai thác có hiệu quả các tài nguyên, nhất là tài nguyên đất và nước, đạt nhịp độ tăng trưởng cao theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với lợi thế của từng tiểu vùng sinh thái và công nghiệp chế biến, hình thành các vùng sản xuất cây con tập trung phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị, tạo cảnh quan phục vụ du lịch và trở thành vành đai thực phẩm có chất lượng cao, nhất là tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, hướng vào phục vụ nhu cầu thị trường trong khu vực là chính.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp phải bảo đảm tăng nhanh thu nhập trên đơn vị diện tích đất canh tác, tạo thêm việc làm ở khu vực nông thôn, nhằm khắc phục tình trạng đất nông nghiệp ngày càng suy giảm, tạo sự phát triển ổn định và hài hòa với khu vực đô thị.

- Chú trọng cơ giới hoá và từng bước tự động hoá để nâng cao năng suất lao động, không ngừng tăng nhanh thu nhập cho nông dân. Phát triển nông nghiệp gắn liền với xây dựng nông thôn mới, nâng cao dân trí, thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, ổn định xã hội và môi trường nông thôn.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế cùng phát triển, nhằm huy động tối đa các nguồn lực xã hội, trong đó đặc biệt chú trọng đẩy nhanh phát triển kinh tế tập thể, kinh tế trang trại để góp phần tạo động lực mới trong nông nghiệp, nông thôn. Phát triển sản xuất nông nghiệp phải gắn với xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng hiện đại và đời sống dân cư văn minh, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng nền sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn với hàm lượng khoa học công nghệ, trình độ sản xuất, chất lượng sản phẩm được nâng cao. Gắn kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm để giảm chi phí, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích và người sản xuất.

2. Mục tiêu cụ thể:

*** Thời kỳ 2014 – 2015:**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 3,0-3,5%, trong đó: Nông nghiệp tăng 2,9%, lâm nghiệp tăng 10,0-11,0%, thủy sản tăng 7,4%.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp năm 2015: Nông nghiệp 92,54%, lâm nghiệp 0,75%, thủy sản 6,71%. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp thì Trồng trọt 58-59%, chăn nuôi 35-36%, dịch vụ 6-6,5%.

- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt bình quân khoảng 130 triệu đồng.

- Giá trị sản xuất trồng trọt trên 01 ha đất canh tác đạt bình quân khoảng 75-80 triệu đồng.

*** Thời kỳ 2016-2020:**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 2,5-3,0%, trong đó: Nông nghiệp tăng 2,8%, lâm nghiệp tăng 3-4%, thủy sản tăng 4,0-5,0%.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp năm 2020: Nông nghiệp 92,55%, lâm nghiệp 0,85%, thủy sản 6,6%. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp thì Trồng trọt 56%, chăn nuôi 37%, dịch vụ 6,85%.

- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt bình quân khoảng 165 triệu đồng.

- Giá trị sản xuất trồng trọt trên 01 ha đất canh tác đạt bình quân 100 triệu đồng.

*** Tầm nhìn năm 2030**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 2,0-2,5%, trong đó: Nông nghiệp tăng 2,0-2,5%, lâm nghiệp tăng 2,5-3,0%, thủy sản tăng 2,0-2,5%.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp năm 2030: Nông nghiệp 90-92%; lâm nghiệp và thủy sản 8-10%. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp thì Trồng trọt 47-53%, chăn nuôi 40-45%, dịch vụ 7-8%.

- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt bình quân khoảng 220-250 triệu đồng.

- Giá trị sản xuất trồng trọt trên 01 ha đất canh tác đạt bình quân 150 triệu đồng.

III. Quy hoạch phát triển các ngành hàng nông nghiệp

1. Quy hoạch phát triển ngành trồng trọt

a). Cây hàng năm

- *Sản xuất lúa:* Giữ nguyên diện tích đất lúa theo quy hoạch sử dụng đất xác định đến năm 2020 là 1.920ha; đưa năng suất lúa bình quân cả năm tăng từ 4,87 tấn/ha lên 5,59 tấn/ha; sản lượng năm 2015 đạt 22.304 tấn và năm 2020 đạt 16.460 tấn. Tập trung xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao tại xã Long Phước (từ 70ha hiện nay lên 150ha năm 2015 và khoảng 200 ha năm 2020) và tại xã Bình An (quy mô 100 ha). Lâu dài đến năm 2030, giảm toàn bộ diện tích đất lúa ở các xã nằm trong khu vực phát triển đô thị như: An Phước, Tam An, Phước Bình, Phước Thái chỉ giữ lại diện tích đất chuyên trồng lúa tập trung ở các xã như Bình An, Long An, Long Phước với quy mô khoảng 350ha. Diện tích gieo trồng lúa khoảng 1.000 – 1.100ha, năng suất 6,5 tấn/ha, sản lượng khoảng 6.500 – 7.000 tấn.

- *Sản xuất bắp:* ổn định địa bàn và diện tích bắp vụ hè thu và vụ mùa, tiếp tục mở rộng thêm diện tích bắp đông xuân trên đất lúa màu khi các công trình thủy lợi đã được xây dựng theo quy hoạch thủy lợi. Theo đó, thì diện tích gieo trồng bắp đến năm 2020 khoảng 1.400 – 2.000ha, năng suất phần đầu đạt 7-8 tấn/ha, sản lượng 10.000 – 15.000 tấn; năm 2030 khoảng 2.500ha, năng suất 10 tấn/ha, sản lượng 25.000 tấn.

- *Sản xuất rau:* Đẩy mạnh phát triển các vùng rau an toàn ở các xã: Bàu Cạn 10ha, Bình Sơn 10ha, Cẩm Đường 10ha, Long An 30ha, Long Đức 10ha, Long Phước 50ha, Phước Bình 10ha. Nâng diện tích gieo trồng rau các loại trên địa bàn huyện Long Thành đến năm 2020 khoảng 350ha, sản lượng khoảng 4.000 – 5.000 tấn. Lâu dài đến năm 2030, sẽ tiếp tục chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang sản xuất rau an toàn nên diện tích gieo trồng rau các loại dự kiến sẽ đạt khoảng 800ha, sản lượng khoảng 14.000 – 15.000 tấn.

- *Sản xuất mỳ:* đến năm 2020 chỉ giữ lại khoảng 1,3-1,4 ngàn ha để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy trong tỉnh, lâu dài đến năm 2030 còn khoảng 1,2

ngàn ha, sản lượng 36 ngàn tấn. Diện tích còn lại sẽ chuyển sang trồng cây lâu năm (điều, cao su, cây ăn quả).

b). Cây công nghiệp lâu năm

- *Cao su*: diện tích cao su sẽ giảm từ 11.704ha năm 2013 xuống còn 9.400-9.500ha vào năm 2020, năng suất cao su khoảng 1,89 tấn/ha, sản lượng năm 2020 khoảng 16,6 ngàn tấn. Định hướng đến năm 2030, ổn định diện tích cao su các nông trường và tập trung phát triển cao su ở các xã như Bàu Cạn, Bình Sơn, Cẩm Đường, Tân Hiệp, Phước Bình với quy mô toàn huyện khoảng 9.500ha, năng suất 2,0tấn/ha, sản lượng 18.000-19.000 tấn.

- *Hồ Tiêu*: tiếp tục mở rộng diện tích tiêu từ 75 ha năm 2010 lên khoảng 127 ha năm 2020 và ổn định khoảng 130ha năm 2030. Khuyến khích ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt và tăng cường thâm canh, đưa năng suất từ 1,3 tấn/ha hiện nay lên 2,5-3,0 tấn/ha cho những năm sau 2020 đến 2030.

- *Cà phê*: trong những năm tới sẽ tiếp tục giảm diện tích cà phê xen với tiêu và trong các vườn cây ăn quả. Dự kiến quy mô diện tích đến năm 2020 khoảng 500-550 ha và đến năm 2030 còn khoảng 400ha, tăng cường thâm canh, nâng năng suất từ 1,7 tấn/ha năm 2010 lên 2,43 tấn/ha vào năm 2020 và khoảng 2,5 tấn/ha năm 2030. Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm để giảm áp lực sử dụng nước ngầm, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- *Điều*: diện tích Điều còn lại đến năm 2020 khoảng 2.400 – 2.500ha và đến năm 2030 dự kiến còn khoảng 2.100ha. Tập trung thâm canh bằng cách tăng cường nước tưới bổ sung trong mùa khô, kết hợp các biện pháp cải tạo các vườn điều già cỗi, bón phân hợp lý để có thể nâng năng suất Điều từ 1,17 tấn/ha năm 2013 lên 2,25 tấn/ha vào năm 2020 và khoảng 2,4 tấn vào năm 2030.

c) Cây ăn quả

Tập trung phát triển 02 loại cây ăn quả chủ lực có quy mô lớn trên địa bàn gồm: Chôm Chôm, Sầu Riêng. Trong đó:

- Chôm chôm đến năm 2020 là 553ha, sản lượng 8.786 tấn; năm 2030 ổn định 500ha, sản lượng 9.000tấn.

- Sầu riêng đến năm 2020 là 398ha, sản lượng 3.000tấn; năm 2030 khoảng 450ha, sản lượng 3.600tấn.

Ngoài ra, còn phát triển các loại cây ăn quả khác như: Xoài, Cam quýt, Bưởi, Mít nhưng quy mô không lớn.

2. Quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi

a) Quy mô đàn vật nuôi: Đàn heo: Năm 2015 đạt 109.300 con và khoảng 112.200 con vào năm 2020; tầm nhìn đến năm 2030 còn khoảng 99.000 con. Đàn gà: Năm 2015 khoảng 690.000 con và khoảng 710.000 con vào năm 2020; tầm nhìn đến năm 2030 còn khoảng 630.000 con.

b) Địa bàn phát triển chăn nuôi: Tiếp tục di dời và phát triển mới các trang trại chăn nuôi vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung đã quy hoạch với quy mô diện tích tự nhiên là 56,7 ha, ở ấp 7 xã Bàu Cạn. Nhằm tạo điều kiện

di dời đúng tiến độ khoảng 140 trang trại trên địa bàn huyện vào vùng KKPTCN, quy hoạch thêm 01 vùng KKPTCN ở khu vực ấp 7, 8 xã Bàu Cạn diện tích 70ha.

c) *Xây dựng các điểm giết mổ gia súc, gia cầm*: Tiếp tục thu hút đầu tư vào 02 điểm giết mổ gia súc gia cầm tập trung với quy mô diện tích khoảng 10ha. Trong đó hoàn thành đầu tư và đưa vào hoạt động điểm giết mổ tại ấp Xóm Trầu, xã Long An; tiếp tục kêu gọi đầu tư vào điểm giết mổ tại ấp 5 xã Long Phước. Đảm bảo các cơ sở giết mổ đạt yêu cầu chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ nhu cầu trong và ngoài huyện.

3. Phát triển lâm nghiệp

- Hướng phát triển lâm nghiệp chủ yếu là tập trung cho tu bổ, bảo vệ rừng phòng hộ, mở rộng diện tích cây xanh khu vực đô thị và nông thôn, tạo cảnh quan và đảm bảo môi trường, kết hợp với bảo vệ tài nguyên thủy sản và phát triển du lịch sinh thái. Ứng dụng TBKH – công nghệ vào trồng và chăm sóc để nâng cao hiệu quả rừng sản xuất trên diện tích rừng sản xuất tập trung và trồng rừng phân tán. Nâng tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đạt 5-6%/năm.

- Đến năm 2020, diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp là 1.194ha (trong đó: rừng phòng hộ 413ha, rừng sản xuất 781ha) và giữ ổn định diện tích rừng này cho đến năm 2030.

4. Phát triển nuôi trồng thủy sản

- **Nuôi trồng thủy sản nước ngọt**: Mở rộng diện tích từ 151 ha năm 2013 lên 250 ha năm 2020, mô hình nuôi chính (mô hình VA): bố trí ở vùng ven sông Đồng Nai với các chủng loại cá thích hợp như: cá chép, trắm, diêu hồng và các loại cá đồng có giá trị kinh tế cao như: rô, chê, lóc...; vùng ven sông Thị Vải bố trí các loại cá có khả năng chịu được mặn, phèn nhẹ như: diêu hồng, cá phi, sặc rần, cá rô... Bên cạnh đó, đẩy mạnh phát triển các loại hình nuôi cá sấu, ba ba, lươn, ếch..., nhằm cung cấp các sản phẩm đặc sản cho khu vực đô thị.

- **Nuôi trồng thủy sản nước lợ**: Mở rộng diện tích từ 250 ha năm 2013 lên 327 ha năm 2020, bố trí ở các xã Phước Thái, Long Phước, đối tượng nuôi mặn lợ phần lớn là tôm chân trắng, tôm sú, cá chẽm, cá kèo, mú. Lâu dài đến năm 2030, khi công nghiệp và đô thị trong khu vực phát triển mạnh, môi trường nước không chỉ khu vực sông Đồng Nai mà ngay cả khu vực sông rạch khác trên địa bàn huyện cũng có chiều hướng xấu đi, do đó xu hướng chung là chuyển một phần diện tích nuôi tôm sang nuôi cá và các loại thủy sản khác.

IV. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ SXNN

1. Thủy lợi

- Kiên cố hóa kênh Mương: Kênh đập suối Cả xã Long Phước (tổng chiều dài 7 km, vốn đầu tư 4.066 triệu đồng); Kênh đập Long An xã Long An (tổng chiều dài 7,44 km, vốn đầu tư 9.000 triệu đồng); Kênh đập Phước Thái xã Phước Thái (tổng chiều dài 2,5 km, vốn đầu tư 1.129 triệu đồng).

- Công trình tu sửa, nâng cấp: Đập Long An (DT tưới 400 ha, vốn đầu tư 2.300 triệu đồng); Xây dựng đập tràn bê tông cốt thép (thay thế đập Cao su xã

Bình An); trạm bơm điện tại ấp 3 xã Phước Bình; đập ngăn mặn Long Phú xã Phước Thái.

- Công trình xây mới: Kênh tiêu ấp 3 Phước Thái (diện tích tiêu 40 ha, vốn đầu tư 9.000 triệu đồng); Hồ Lộc An (Tưới cho 300 ha, vốn đầu tư 55.129 triệu đồng); Hệ thống hồ Cầu Mới (vốn đầu tư 13.851 triệu đồng); Hồ Bình Sơn (Tổng diện tích tưới 465 ha, vốn đầu tư 80.000 triệu đồng); Nạo vét kênh Quản Thủ (phục vụ tiêu cho 400 ha, vốn đầu tư 20.000 triệu đồng); Nạo vét kênh tiêu Bàu Cá (chiều dài 2km, kinh phí khoảng 500 triệu); nạo vét khơi thông suối đoạn từ đập Bàu Tre đến đầu Sông Nhạn (chiều dài 4km, kinh phí khoảng 800 triệu đồng); Xây dựng 1,8km tuyến kênh phục vụ cánh đồng Sa Cá (kinh phí khoảng 500 triệu đồng).

2. Giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp

- Đường huyện: Các tuyến đường huyện trong kỳ quy hoạch: 24 tuyến (tổng chiều dài 162,2km), bao gồm 20 tuyến cải tạo, nâng cấp (tổng chiều dài 135,2km), 04 tuyến làm mới (tổng chiều dài 27km).

- Mạng lưới đường giao thông xã: Phân đầu đến năm 2015 bê tông hoá 35% chiều dài các tuyến đường xã, tập trung chủ yếu cho 04 xã điểm xây dựng nông thôn mới là An Phước, Long Đức, Long An và Long Phước; đến năm 2020 bê tông hoá 80% chiều dài đường xã, tập trung cho các xã còn lại. Để phục vụ cho phát triển Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung cần đầu tư khoảng 42,7km đạt tiêu chuẩn đường loại A nhằm phục vụ cơ giới hóa sản xuất và vận chuyển sản phẩm.

3. Mạng lưới điện phục vụ sản xuất

Tổng hợp khối lượng đầu tư mạng lưới điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Long Thành như sau: Đầu tư mới khoảng 24,5 km đường dây trung thế, 26 trạm biến áp và 48,2 km đường dây hạ thế, tổng nhu cầu vốn đầu tư 35,76 tỷ đồng. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện cần ưu tiên để đầu tư các tuyến đường điện vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung, vùng sản xuất nông nghiệp tập trung để phục vụ sản xuất.

V. Quy hoạch cánh đồng lớn (Theo quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ)

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, đối chiếu với các tiêu chí, trên địa bàn huyện sẽ quy hoạch các cánh đồng lớn sau:

- Xây dựng cánh đồng lớn sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Long Phước quy mô 30 ha.

- Xây dựng cánh đồng lớn sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Bình An (ấp Bàu Lùng) quy mô 30 ha.

- Xây dựng cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao tại xã Long Phước quy mô 200 ha.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho từng cánh đồng đã được tính toán trong phần quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

VI. Đề xuất các chương trình và dự án ưu tiên

1. Các chương trình: Trong phạm vi huyện Long Thành tiếp tục ưu tiên thực hiện 02 chương trình đang triển khai là:

- Chương trình phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2011-2015.
- Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Long Thành đến năm 2020.

2. Các dự án ưu tiên

- Ưu tiên thực hiện việc di dời và phát triển mới các trang trại chăn nuôi vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung.
- Các dự án đầu tư giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.
- Dự án xây dựng vùng sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Long Phước quy mô 30 ha; xã Bình An (ấp Bàu Lùng) quy mô 30 ha.
- Dự án xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao tại xã Long Phước quy mô 200 ha, xã Bình An quy mô 100 ha.
- Dự án xây dựng vùng chuyên canh cây sầu riêng tại xã Bình An quy mô 30 ha; xã Bình Sơn quy mô 30 ha.
- Vùng sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp tại các xã Bàu Cạn, Phước Bình, Tân Hiệp, Bình An.
- Các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, kiên cố hoá kênh mương.
- Các dự án về phát triển mạng lưới điện phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Các dự án về phát triển hệ thống giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp.

VII. Giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Nhu cầu vốn đầu tư: Tổng nhu cầu vốn đầu tư xã hội cho phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất trên phạm vi toàn huyện đến năm 2020 khoảng 619.530 triệu đồng, trong đó:

- Chia theo giai đoạn đầu tư: 2014-2015 là 338.034 triệu đồng, chiếm 54,56% và giai đoạn 2016-2020 khoảng 281.496 triệu đồng, chiếm 45,44%.
- Chia theo nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách 225.574 triệu đồng, chiếm 36,41%; vốn dân doanh khoảng 393.956 triệu đồng, chiếm 63,59%.

2. Giải pháp thực hiện: Thực hiện đồng bộ 07 nhóm giải pháp, bao gồm:

- Giải pháp về tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa: Tăng cường liên kết giữa các huyện trong tỉnh và sự tham gia của 04 nhà; Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể; Khuyến khích phát triển kinh tế trang trại và doanh nghiệp nông nghiệp; Hoàn thiện cơ chế và nhân rộng mô hình liên kết sản xuất hiệu quả.
- Giải pháp về khoa học kỹ thuật: Đối với cây trồng, bao gồm: Giống, kỹ thuật canh tác, bảo vệ thực vật, giải pháp sau thu hoạch, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học. Đối với vật nuôi, bao gồm: Giống, kỹ thuật xây dựng chuồng trại, thức ăn, phòng trừ dịch bệnh... giải pháp về công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y.

- Giải pháp về tiêu thụ sản phẩm.
- Giải pháp về đẩy mạnh cơ giới hóa và chế biến nông sản.
- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Giải pháp về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Giải pháp về cơ chế chính sách cho phát triển sản xuất nông nghiệp.

3. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ nội dung quy hoạch này, Chủ tịch UBND huyện Long Thành có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố Quy hoạch rộng rãi theo quy định hiện hành để người sản xuất biết thực hiện.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch phát triển, các dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên triển khai thực hiện.
- Chỉ đạo các cơ quan chức năng của huyện là đơn vị trực tiếp quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch. Tổ chức và chỉ đạo các xã công bố công khai quy hoạch. Tham mưu UBND huyện chỉ đạo các xã phát triển theo dự án quy hoạch. Phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh xúc tiến xây dựng các công trình, dự án để phục vụ tốt hơn cho nhu cầu sản xuất. Hướng dẫn, vận dụng các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đến người sản xuất...
- Tổ chức thực hiện quản lý, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch theo định kỳ quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Tài nguyên và môi trường, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Lao động thương binh và xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Thành và thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
 - Chánh, Phó văn phòng CNN;
 - Lưu : VT, TH (CNN).
- Th.cmm

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)
Võ Văn Chánh